TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2021/HNGĐ - ST
Ngày: 19 - 01 - 2021
V/v: Ly hôn giữa
chị H và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Trần Văn Quân.

- ***Thư ký phiên toà:*** ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51 /2021/QĐXXST – HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trịnh Thanh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị Phan Thị H và anh Trịnh Thanh T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/01/2014. Sau khi kết hôn anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T ham chơi không quan tâm đến vợ con ; hai bên gia đình cũng đã tác động hàn gắn cho anh chị nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân 04 năm nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh Trịnh Thanh T.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trịnh Hoàng N, sinh ngày 19/08/2014 hiện đang ở với chị. Chị có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị xin không hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt với lý do anh anh T nhiều lần Tòa án báo không về làm việc, bản thân chị đi làm ăn không có nhiều thời gian đi lại.

Anh Trịnh Thanh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Bố đẻ anh là ông Trịnh Quang H xá nhận đã thông báo các văn bản của Tòa án cho anh nhưng anh đi làm ăn xã do công việc không về được. Ông cũng xác nhận anh T và chị H kết hôn có đăng ký tại UBND xã X năm 2014. Anh chị chung sống hòa thuận sinh được 01 chung. Đến cuối năm 2017 anh chị mâu thuẫn, anh T bỏ đi làm ăn xa nhà, không về nhà. Gia đình ông và xóm ngõ khuyên bảo nhưng anh T buông bỏ gia đình. Ông đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Con chung Trịnh Hoàng N, sinh ngày 19/8/2014 nên giao cho chị H nuôi, ông sẽ hỗ trợ chị H chăm sóc cháu. Anh chị không có tài sản gì, không liên quan đến kinh tế gia đình ông. Chính quyền địa phương, Phụ nữ xã X cũng xác nhận và đề nghị như nội dung ông H và chị H đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự chị H chấp hành đúng pháp luật tố tụng và xin xét xử vắng mặt; anh T không chấp hành vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị H là đúng. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị H đối với anh Trịnh Thanh T. Về con chung giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trịnh Hoàng N, sinh ngày 19/8/2014, chấp nhận chị H không yêu cầu

anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị H đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trịnh Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Trịnh Thanh T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 17/01/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, anh không chịu lao động ham chơi, không quan tâm đến vợ con và đã sống ly thân gần 4 năm nay. Vì thế anh chị không có cơ hội hàn gắn tình cảm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Xét nguyện vọng của chị là chính đáng nên chấp nhận cho chị H ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: anh chị có 01 con chung là Trịnh Hoàng N, sinh ngày 19/08/2014 hiện đang ở với chị. Chị có nguyện vọng xin nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị. Xét thấy anh đi làm ăn xa nhà, không quan tâm đến vợ con từ lâu nên giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị H phải nộp án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Trịnh Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trịnh Hoàng N, sinh ngày 19/08/2014. Chấp nhận chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001918 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: chị H và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh